

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Kinh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Tùng

2. Ông Huỳnh Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Trang - Cán bộ Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận H.C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H.C, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **P.T.M.N**, sinh năm 1990

Địa chỉ: K266 H79/63 H. D, quận H.C, thành phố Đà Nẵng.

(bà N có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **N.V. V**, sinh năm 1976

Địa chỉ: 455 T.N.V, quận H.C, thành phố Đà Nẵng.

(ông Vinh vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà P.T.M.N và ông N.V. V đã đăng ký kết hôn vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển số I, ngày 24/8/2012 tại Ủy ban nhân dân phường H.T.T, quận H.C, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại địa chỉ 455 T.N.V, quận H.C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, theo bà N thì nguyên nhân là do cuộc sống không còn hòa hợp, vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống dẫn đến tình cảm không còn. Khoảng tháng 06 năm 2020, bà N

đưa con trở về nhà mẹ sống cho đến nay, không còn chung sống với ông Vinh nữa. Hiện bà xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng và không thể đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là N.T.P, sinh ngày 03/11/2012. Ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung yêu cầu ông Vinh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa, bà N rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông V thực hiện cấp dưỡng.

3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Bà N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải Tòa án giải quyết. Đồng thời xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và về con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H.C, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông V.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: ông V và bà P.T.M.N đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109, quyển số I, ngày 24/8/2012 tại Ủy ban nhân dân phường H.T.T, quận H.C, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phai nhạt tình cảm. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, ông Vinh và bà N không tự hòa giải được và đã có thời gian dài sống ly thân cho đến nay.

Xét thấy hôn nhân giữa ông V và bà P.T.M.N đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng và không còn tồn tại trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã

được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông V vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, thể hiện việc ông Vinh không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân với bà N. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà P.T.M.N được ly hôn với ông V.

2.2. Về quan hệ con chung: Bà N xác định bà và ông Vinh có 01 con chung tên là N.T.P, sinh ngày 03/11/2012. Ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông Vinh cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thực tế kể từ thời điểm ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu N.T.P được mẹ là bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu còn nhỏ tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, cháu Phong cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của các con chung, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông Vinh cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà P.T.M.N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của bà P.T.M.N và ông N.V V:

Xử cho bà P.T.M.N được ly hôn đối với ông V.

Về quan hệ con chung: Xử giao 01 con chung tên là N.T.P, sinh ngày 03/11/2012 cho bà P.T.M.N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N.V. V không thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung, các bên được thực hiện quyền và nghĩa vụ với con chung theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà P.T.M.N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số

5413 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H.C, thành phố Đà Nẵng. (bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận H.C;
- CC THADS quận H.C;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐẶNG NGỌC KINH LUÂN